

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trai;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 - 6 - 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C, sinh năm 1978; nơi ĐKNKTT: Ô 40 DC 10, đường D 16, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh B. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1973; nơi ĐKNKTT: Ô 40 DC 10, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2018, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày:

Bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Trọng K tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96 ngày 21-12-2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông K không có trách nhiệm với gia đình, sử dụng ma túy, tham gia đánh bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để cùng hòa hợp nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13-11-2003 và Nguyễn Khánh Hà L, sinh ngày 24-6-2013. Khi ly hôn, bà C yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông K cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/1 con/tháng.

Về tài sản chung: Có 01 xe ô tô biển số 61A-164.83, khi ly hôn, bà C yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe nói trên tạm tính là 350.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24-4-2018 bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể: Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Sổ hộ khẩu hộ khẩu; giấy chứng minh nhân dân của bà C, ông K; giấy đăng ký kết hôn; giấy khai sinh con chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữ nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản khi ly hôn” và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện

về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản khi ly hôn”.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Trọng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 24-4-2018 bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp về tài sản chung và thay đổi yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên đơn này, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là tự nguyện nên chấp nhận theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà C được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Vũ Thị C và bị đơn ông Nguyễn Trọng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Theo bà C trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K không có trách nhiệm với gia đình, sử dụng ma túy, cờ bạc, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà C cũng nhiều lần tạo cơ hội nhưng ông K vẫn không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông K không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông K không có thiện chí quay về đoàn tụ, xây dựng gia đình. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông K không đến thăm hỏi, chăm sóc con chung, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông K không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà C về việc xin ly hôn với ông K.

Theo bản sao giấy khai sinh số 295 ngày 18-12-2003 của Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh T (được UBND thành phố T, tỉnh T cấp lại ngày 06-6-2012) và số 197/2013 ngày 23-7-2013 của Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh B thì bà C, ông K có 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13-11-2003 và Nguyễn Khánh Hà L, sinh ngày 24-6-2013. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-4-2018 cháu Nguyễn Khánh L trình bày: “Khoảng 01 năm trở lại đây cháu sống cùng với mẹ và em. Do mẹ chăm sóc cháu tốt hơn ba nên cháu muốn được ở cùng với mẹ”. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu cũng như nguyện vọng của con chung, giao con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc ly hôn với ông K. Giao 02 con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Trọng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Trọng K.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 13-11-2003 và Nguyễn Khánh Hà L, sinh ngày 24-6-2013 cho bà Vũ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Vũ Thị C về việc “Chia tài sản khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Trọng K. Bà C được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Vũ Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 9.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu

tiền số 0023173 ngày 27-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An. Hoàn trả cho bà Vũ Thị C số tiền 8.750.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- UBND phường B, thành phố T, tỉnh T ;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Thi